

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG TÍN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 67/2018/HS-ST
Ngày: 24/9/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Viết Khai

Ông Lê Đức Thọ

- Thư ký phiên tòa:

Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Tín

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Khắc Quang - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST - HS ngày 31 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo:

Vũ Văn H, sinh năm 1995; Nơi sinh: HNơi cư trú: Thôn D, xã V, huyện T, H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn H và bà Bùi Thị H; Vợ, con: Không; Tiền án: Năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 24 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” được đặc xá ra tù ngày 31/8/2015; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tháng 02/2012, bị Công an Thị trấn T xử phạt hành chính về hành vi “*Gây rối trật tự công cộng*”; Ngày 7/6/2018, Công an huyện K, H ra quyết định khởi tố bị can đối với Vũ Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo bị tạm giữ lần thứ nhất từ ngày 21/3/2017 đến ngày 30/3/2017 và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2018 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Quốc P, sinh năm 1991 (Có mặt)

Trú tại: Thôn C, xã H, huyện T, H

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Chử Ngọc H, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 3, xã V, huyện T, H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ, ngày 06/9/2016, Vũ Văn Hiệp cùng Bùi Minh Vương và chị Na, chị Cún (không rõ họ tên, địa chỉ) đến nhà nghỉ 71 ở thôn Vân La, xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, Hà Nội thuê phòng để nghỉ. Khi đến nhà nghỉ 71, Hiệp đi vào quầy lễ tân gặp ông Vũ Thanh Sâm để làm thủ tục thuê phòng nhưng do Hiệp không mang theo giấy tờ tùy thân nên Vương đã đưa hộ chiếu của mình cho ông Sâm để thuê hai phòng nghỉ số 202, 203. Sau khi thuê phòng, Hiệp, Vương vào phòng 203, Cún, Na vào phòng 202. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Vương đi về nhà trước còn Hiệp, Cún, Na vẫn ở lại nhà nghỉ 71.

Đến khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 07/9/2016, V cùng Nguyễn Thanh T quay lại nhà nghỉ 71. Lúc này do điện thoại của H bị hết pin nên H đi xuống quầy lễ tân để mượn sạc điện thoại và nhìn thấy 01 chiếc dây chuyền bằng vàng của anh Nguyễn Quốc P đang để ở ngăn hộc giữa của quầy lễ tân đã nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi lên phòng 203 và sạc điện thoại xong, H mang trả điện thoại cho quầy lễ tân, lợi dụng sự sơ hở của nhân viên trực quầy lễ tân, H đã lấy trộm sợi dây chuyền (kèm theo mặt dây chuyền hình ông phật Di Lặc) rồi cho vào trong túi quần. Sau đó, H quay lại phòng 203 rồi bảo V gọi taxi để đi về. H xuống gọi taxi đi trước đến cửa hàng vàng N ở số 80, phố V, Thị Trấn T, huyện T, H để bán sợi dây chuyền vàng vừa trộm cắp được với giá 27.000.000 đồng. H đã gọi điện thoại cho Vương bảo V cùng C, N đến cửa hàng Thế giới di động ở khu vực cầu Q, xã N, huyện T, H để mua điện thoại. Khoảng 15 phút sau, V cùng T đi xe máy đến, C, N đi xe taxi phía sau. H bảo T đi về trước, còn H, C, N đi vào cửa hàng Thế giới di động để mua điện thoại. H đã mua 01 điện thoại Iphone 5s với giá 6.990.000 đồng và 01

điện thoại nhãn hiệu Philip với giá 1.990.000 đồng cho V sử dụng. Sau khi mua điện thoại xong, V và H đưa C, N về nhà trọ ở xã H rồi cả hai đi về nhà.

Ngày 09/9/2016, H cùng V đến nhà anh Chử Ngọc H để mua 01 xe máy (không nhớ biển kiểm soát) của anh H với giá 18.000.000 đồng nhưng sau đó, do không có tiền tiêu xài nên bán lại chiếc xe này cho anh H cũng với giá 18.000.000 đồng. H cũng đã bán lại hai chiếc điện thoại Iphone 5s và điện thoại Philip mua ngày 7/9/2016. Số tiền bán lại xe và điện thoại H đã tiêu hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 26/KL – HĐĐG ngày 03/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

01 chiếc dây chuyền bằng vàng Ý (Italy), tuổi vàng 750, có các mắt xích to hình tròn khép kín nối liên tiếp với nhau, trọng lượng 14,832 chỉ, trị giá: 48.946.000 đồng;

01 mặt dây chuyền bằng vàng Ý (Italy), tuổi vàng 700, được đúc hình ông Di Lặc, có chiều dài khoảng 4cm, rộng khoảng 3cm, trọng lượng 9 chỉ vàng, trị giá: 29.700.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản trưng cầu định giá: 78.646.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Quốc P yêu cầu bị cáo Vũ Văn H phải bồi thường 70.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 64/CT – VKS ngày 15/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Vũ Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm e Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015).

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố và kết luận như Cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm e Khoản 2 Điều 138; điểm p Khoản 1 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015), đề nghị xử phạt Vũ Văn H từ 36 tháng đến 42 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Văn H.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Vũ Văn H phải bồi thường trả anh Nguyễn Quốc P số tiền là 70.000.000 đồng.

Bị cáo Vũ Văn H phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Quốc P đồng ý với đề nghị của Viện kiểm sát về việc buộc bị cáo H phải bồi thường 70.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra – Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2]. Tại phiên tòa, bị Vũ Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện vào ngày 07/9/2016, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của

người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận định giá tài sản, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 07/9/2016, Vũ Văn H đã có hành vi trộm cắp 01 sợi dây chuyền bằng vàng Ý và 01 mặt dây chuyền hình ông phật Di Lặc bằng vàng Ý của anh Nguyễn Quốc P có trị giá là 78.646.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015) như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có tiền án nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015).

4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015).

Đánh giá tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, có nhân thân xấu. Sau khi phạm tội, bị cáo không chấp hành pháp luật nên đã bị Công an huyện T ra Quyết định truy nã. Trong thời gian bỏ trốn, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện K, tỉnh H và đã bị

khởi tố nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo.

5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung.

6]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường trả anh Nguyễn Quốc P 70.000.000 đồng.

Đối với lời khai của Vũ Văn H về việc đã rủ anh Bùi Minh V cùng tham gia trộm cắp tài sản tại nhà nghỉ 71 và được anh V đồng ý. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra, anh V không thừa nhận việc cùng H lấy trộm dây chuyền của anh P như H khai. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng không đủ căn cứ để xác định vai trò đồng phạm của anh V trong vụ án này nên đã tách ra để tiếp tục điều tra, khi làm nào làm rõ sẽ xử lý sau nên Tòa không xét.

Đối với người tên N, tên C, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không rõ địa chỉ, lai lịch đồng thời không liên quan đến hành vi phạm tội của H nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với anh Chữ Ngọc H, khi anh H bán xe cho H, anh H không biết số tiền H dùng để mua xe của anh là tiền do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

7]. Đối với hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Vũ Văn H thực hiện tại huyện K, tỉnh H đã bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xét xử vào ngày 30/8/2018 nhưng do bản án chưa có hiệu lực nên không tổng hợp hình phạt trong bản án này.

8]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm e Khoản 2 Điều 138; điểm p Khoản 1 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015).

Xử phạt: Vũ Văn H 30 (*Ba mươi*) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 14/5/2018, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 21/3/2017 đến ngày 30/3/2017.

3. Áp dụng Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015): Buộc bị cáo Vũ Văn H phải bồi thường trả anh Nguyễn Quốc P số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Vũ Văn H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 3.500.000 đồng (*Ba triệu, năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người được thi hành án có đơn yêu cầu thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi quy định tại

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND huyện T;
- Sở tư pháp H;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo; người bị hại; các đương sự khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Trung Hòa

